

BÀI TẬP TUẦN: PHÉP CHIA (Tiếp 1)

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Có 15 cái kẹo, chia đều cho 3 bạn. Phép tính thích hợp để tìm số kẹo mỗi bạn nhận được là:

- A. $15 + 3 = 18$ B. $15 - 3 = 12$ C. $15 : 3 = 5$ D. $3 \times 5 = 15$

Câu 2: Quan sát hình vẽ dưới đây. Có 8 quả táo, chia vào các đĩa, mỗi đĩa 2 quả. Số đĩa táo chia được là:



- A. 2 đĩa B. 3 đĩa C. 4 đĩa D. 8 đĩa

Câu 3: Có 12 bông hoa, cắm vào các lọ, mỗi lọ 4 bông. Hỏi cắm được mấy lọ hoa?

- A. 3 lọ B. 4 lọ C. 16 lọ D. 8 lọ

Câu 4: Cho phép nhân $5 \times 4 = 20$. Hai phép chia tương ứng là:

- A. $20 : 5 = 4$ và $20 : 4 = 5$. B. $20 : 2 = 10$ và $20 : 10 = 2$
C. $20 + 5 = 25$ và $20 - 4 = 16$. D. $5 : 20 = 4$ và $4 : 20 = 5$

Câu 5: Mẹ mua 30 kg gạo chia đều vào các bao, mỗi bao 5 kg. Mẹ chia được số bao là:

- A. 5 bao. B. 6 bao. C. 7 bao. D. 8 bao

Câu 6: Có 12 chiếc đĩa. Hỏi có tất cả bao nhiêu đôi đĩa? (Biết 1 đôi = 2 chiếc)

- A. 5 đôi. B. 6 đôi. C. 7 đôi. D. 24 đôi

II. Phần tự luận

Bài 1: Điền số hoặc phép tính thích hợp vào chỗ trống (ô vuông):

a) Có 12 quả dưa hấu, xếp vào mỗi rổ 3 quả. Xếp được rổ.

Ta có phép chia: : =

b) Có 20 cái bánh mì, xếp vào mỗi hộp 4 cái. Cần có hộp để xếp hết số bánh mì đó.

Ta có phép chia: : =

Bài 2: Nối câu mô tả với phép tính thích hợp:

Có 20 quả xoài, xếp đều vào 4 đĩa.	$20 : 5 = 4$
Có 4 đĩa, mỗi đĩa có 5 quả xoài.	$20 : 4 = 5$
Có 20 quả xoài, xếp vào mỗi đĩa 5 quả.	$4 \times 5 = 20$

Bài 3: Viết phép chia thích hợp dựa vào tình huống sau:

"Cô giáo có 30 quyển vở, cô chia đều cho các bạn trong tổ, mỗi bạn được nhận 5 quyển vở."

Hỏi tổ đó có bao nhiêu bạn được nhận vở?

Trả lời: Tổ đó có bạn.

Phép tính: : =

Bài 4: Đọc bài toán và viết phép tính thích hợp:

"Trong vườn có 27 cây rau cải bắp, bác nông dân trồng vào các luống, mỗi luống 9 cây."

Số luống rau trồng được là: luống.

Viết phép chia:

